CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xây dựng điện VNECO 1

Ngày 30/06/2025	3,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.7%	**-2.6%**	**15.2%**

DT thuần
Q2/25
5.82
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.82|
YoY: ▲ 5.82|

LN thuần
Q2/25
-0.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.11| -56.7%
YoY: ▲ 1.21| 79.4%

LN sau thuế
Q2/25
-0.34
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.10| -40.0%
YoY: ▲ 1.27| 79.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-5.8%

ROE (TTM)
Q2/25
6.2%
YoY: +/-▲ 5.0%

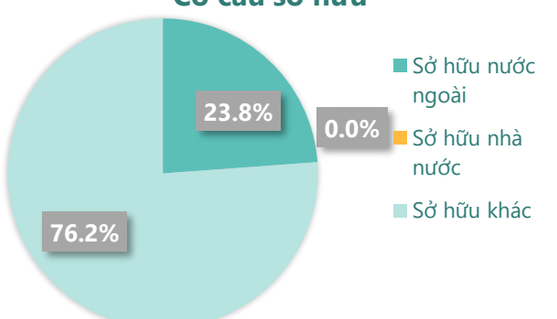
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,000 - 4,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	23
Số lượng CPLH (CP)	5,931,280
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,220
Sở hữu nước ngoài	23.8%
Beta	(0.11)
EPS	265
P/E	14.3

DT thuần
6T 2025
5.82
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.12| 735%

LN thuần
6T 2025
-0.51
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.38| 72.9%

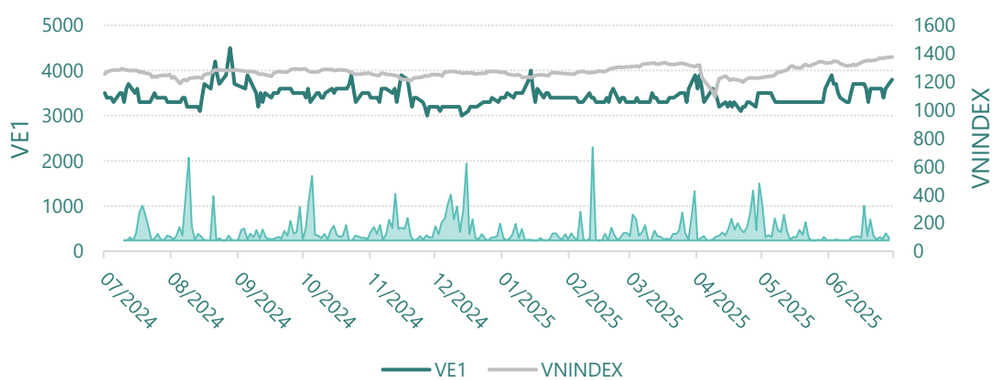
LN sau thuế
6T 2025
-0.58
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.39| 70.7%

Cơ cấu sở hữu

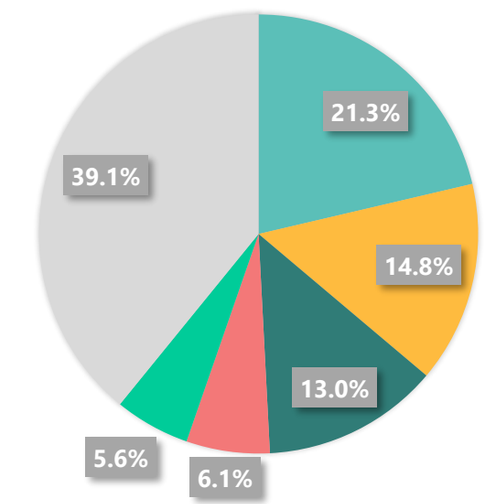


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

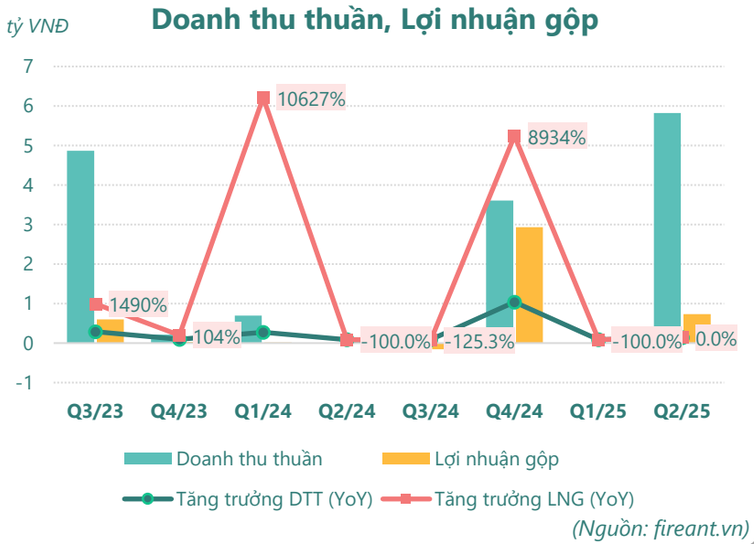


Cơ cấu cổ đông

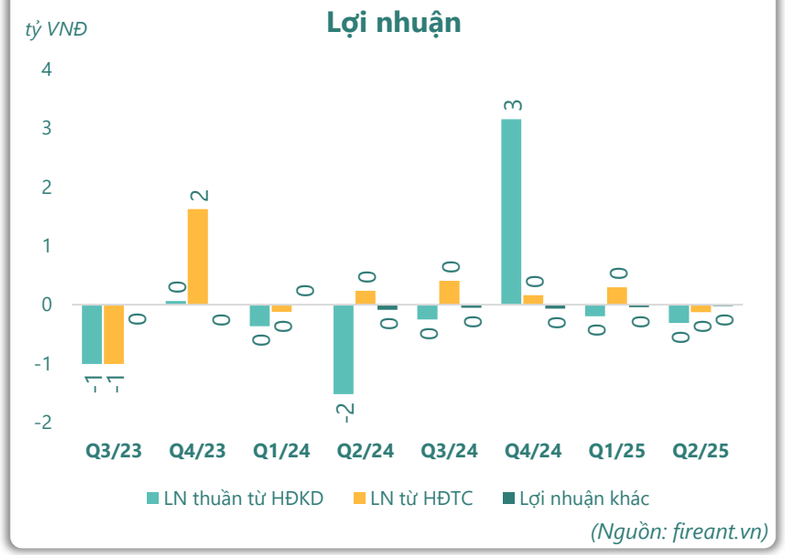


(Nguồn: fireant.vn)

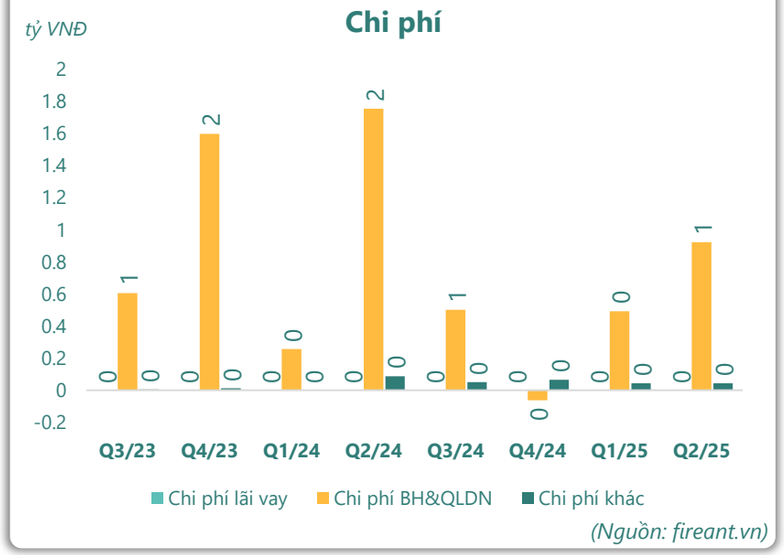
KẾT QUẢ KINH DOANH



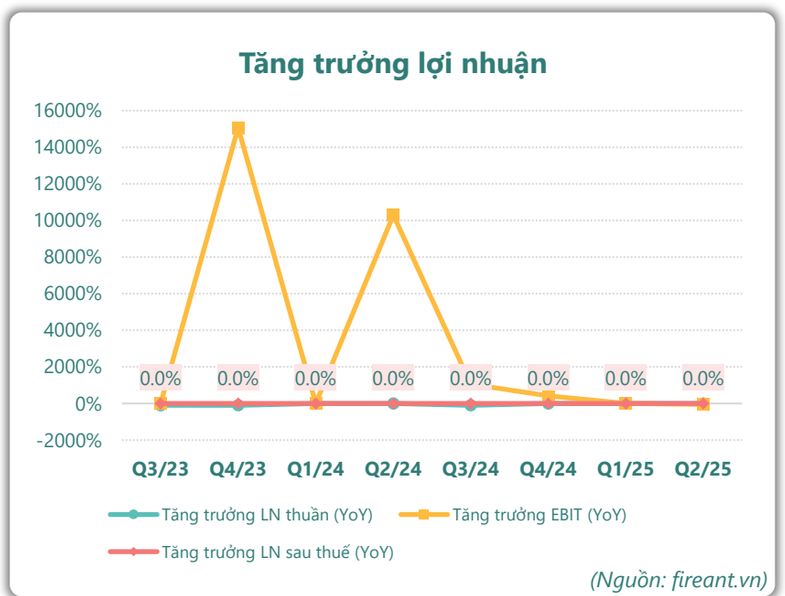
(Nguồn: fireant.vn)



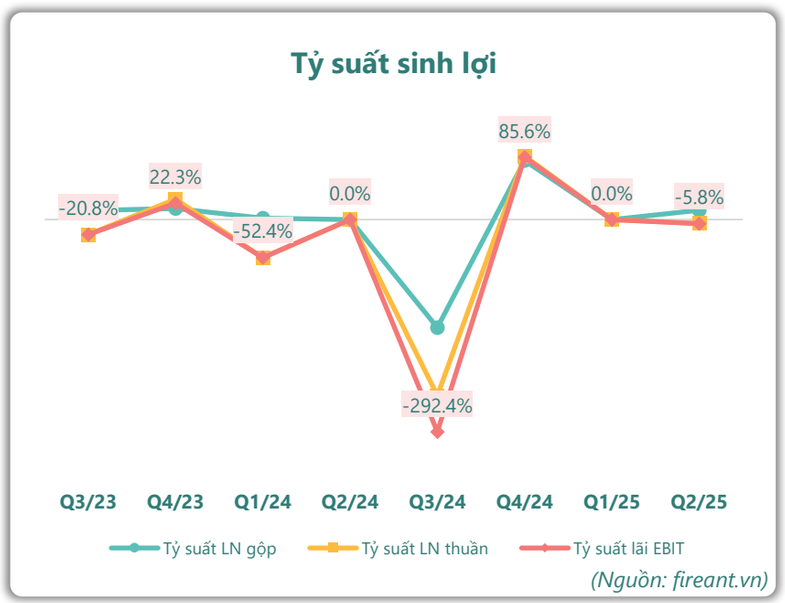
(Nguồn: fireant.vn)



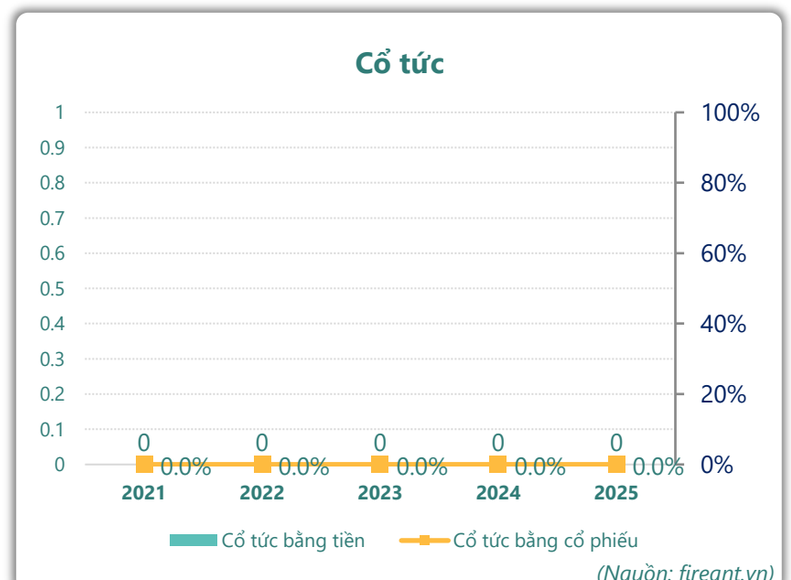
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



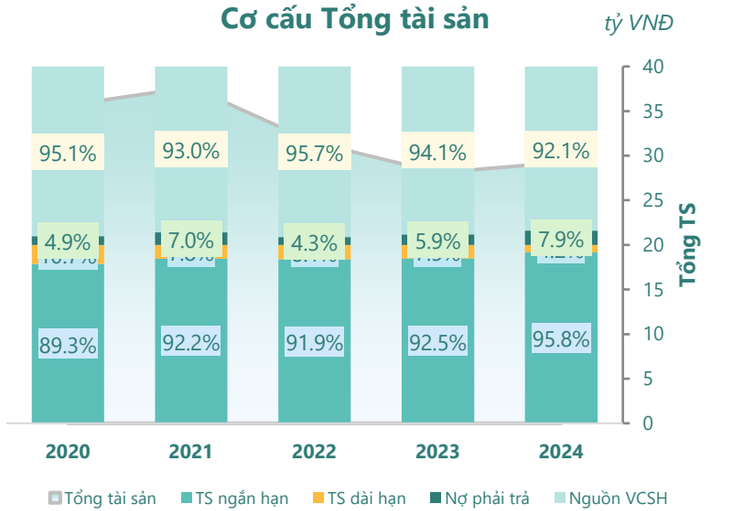
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

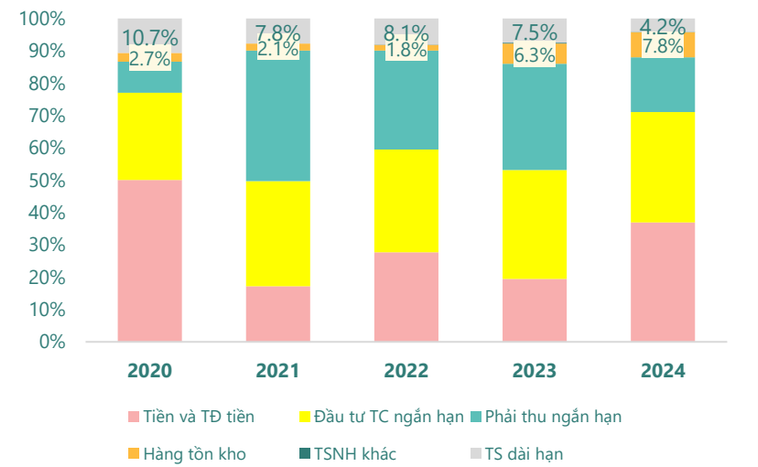
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



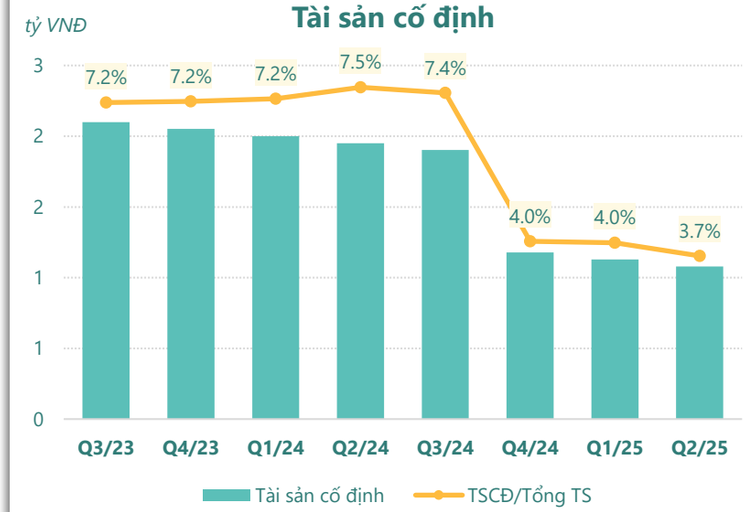
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



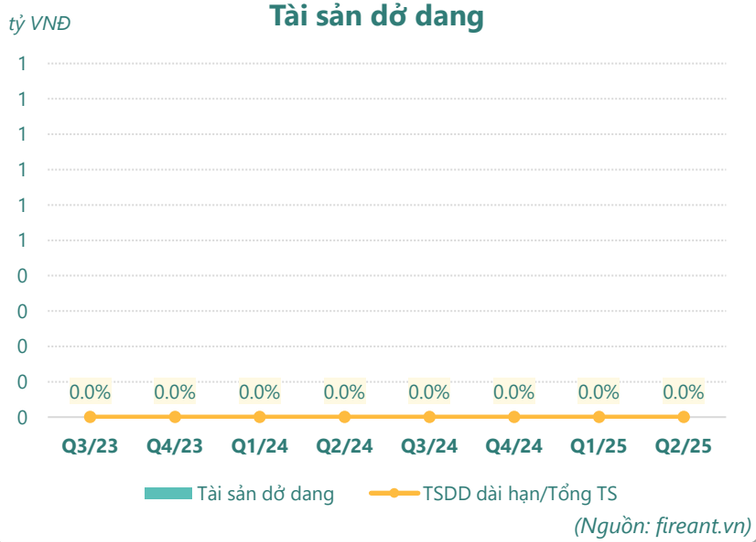
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



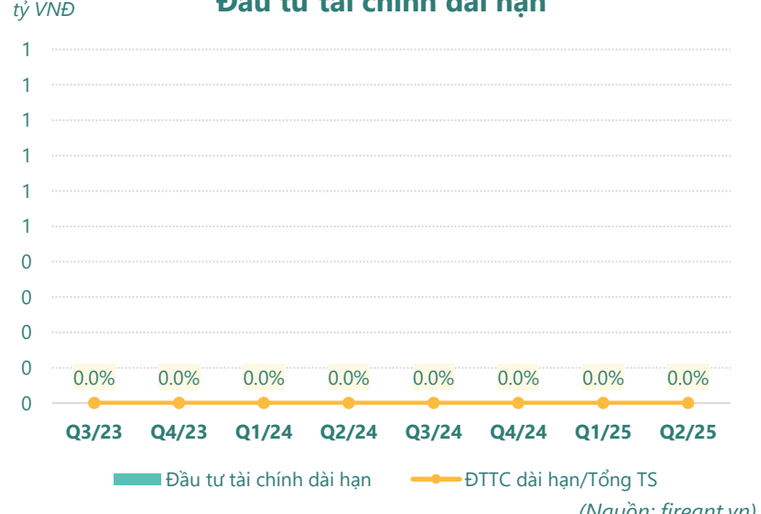
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



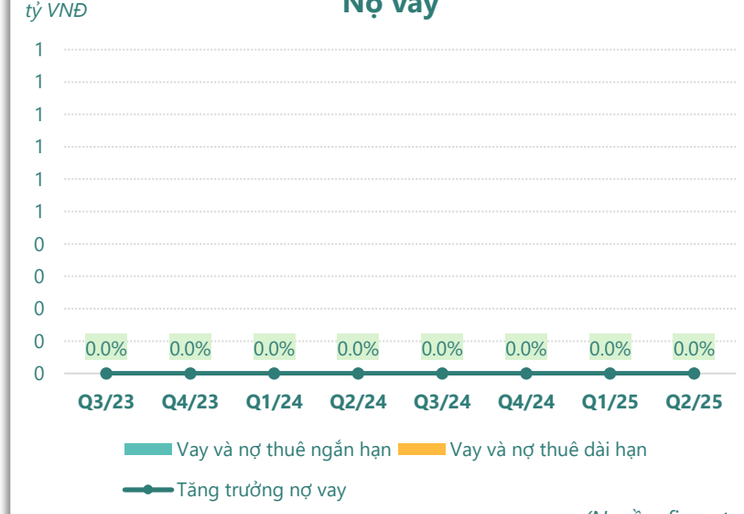
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

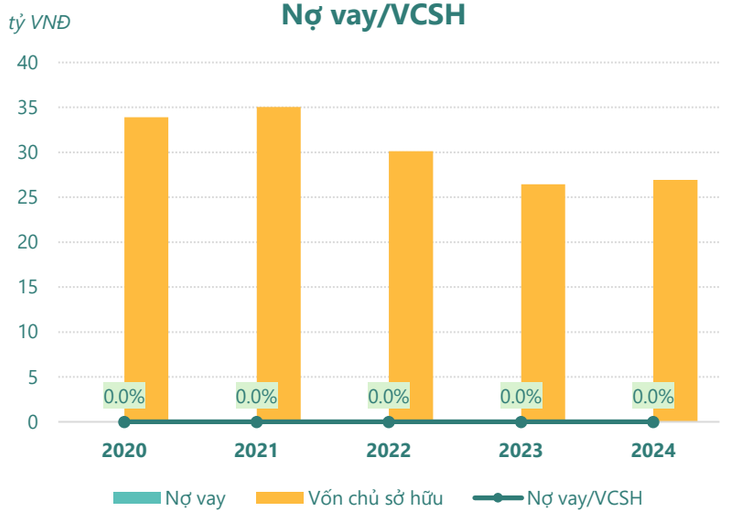
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

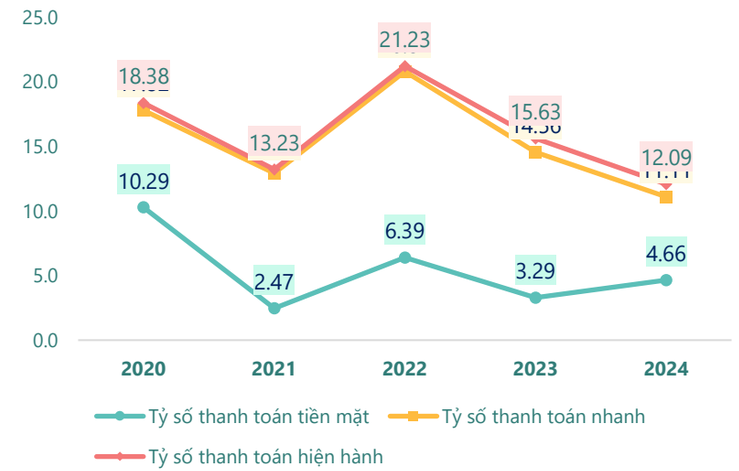
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



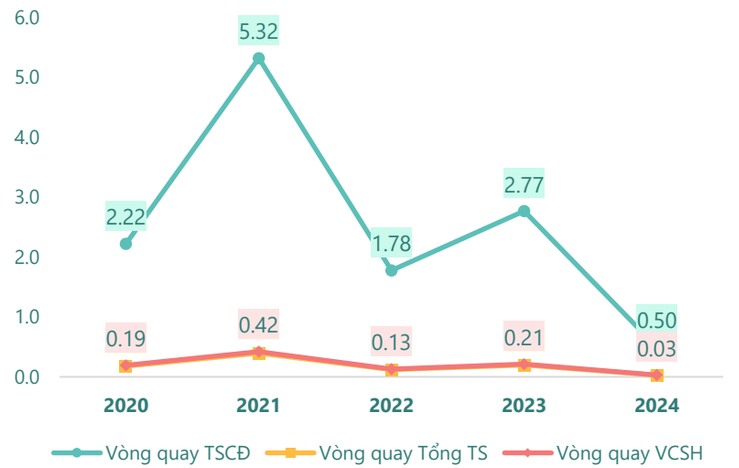
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



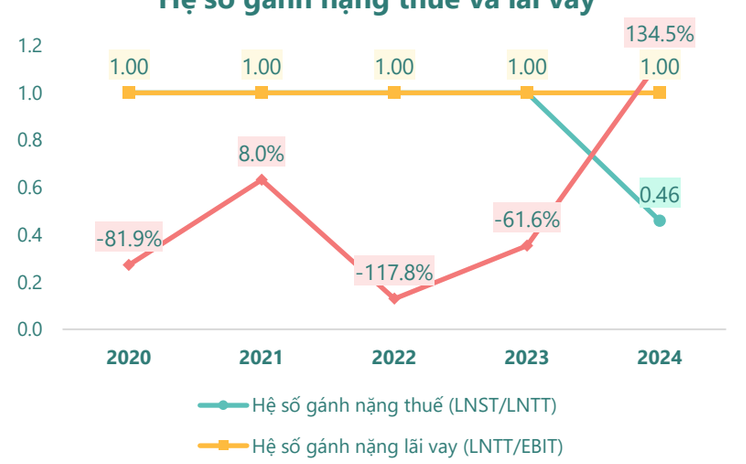
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



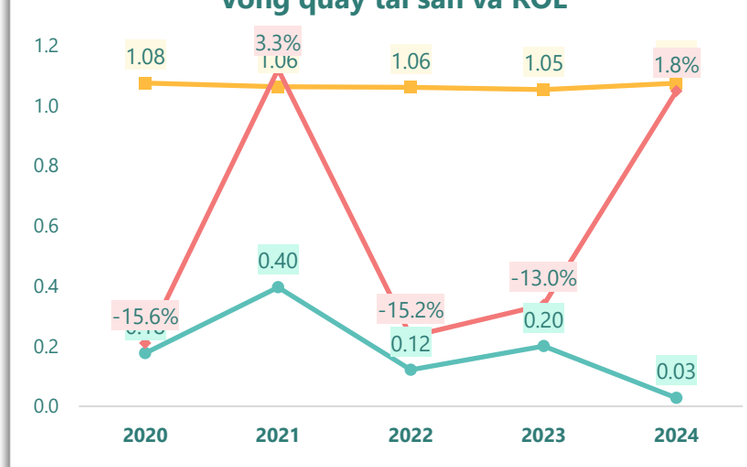
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



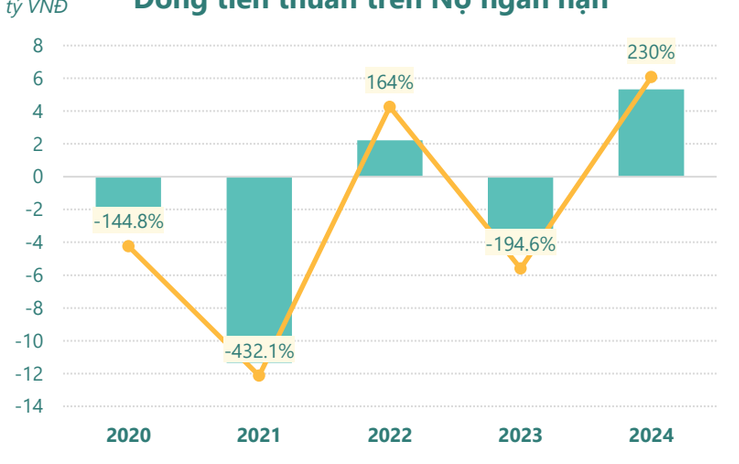
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**5.82**	**0.00**		**5.82**	**0.70**	**735%**
Giá vốn hàng bán	5.09	0.00		5.09	0.68	644%
Lợi nhuận gộp	0.74	0.00		0.74	0.01	5170%
Doanh thu HĐTC	0.11	0.02	458%	0.14	0.09	65.5%
Chi phí TC	0.24	-0.21	213%	-0.03	-0.03	0.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.92**	**1.76**	**-47.6%**	**1.41**	**2.01**	**-29.7%**
LN thuần từ HĐKD	-0.31	-1.52	79.4%	-0.51	-1.89	72.9%
Lợi nhuận khác	**-0.02**	**-0.09**	**75.0%**	**-0.07**	**-0.09**	**24.1%**
LN trước thuế	-0.34	-1.61	79.1%	-0.58	-1.97	70.7%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.34**	**-1.61**	**79.1%**	**-0.58**	**-1.97**	**70.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.34**	**-1.61**	**79.1%**	**-0.58**	**-1.97**	**70.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.07	-1.15	-0.11	2.78	-5.64	4.55
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.00	6.10	-5.10	4.75	0.08	-9.48
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	5.47	3.54	8.48	3.27	10.8	5.24
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.93**	**4.94**	**-5.20**	**7.53**	**-5.56**	**-4.93**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.54	8.48	3.27	10.8	5.24	0.31

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**29.2**	**29.3**	**-0.1%**
Tài sản ngắn hạn	28.1	28.0	0.2%
Tiền và tương đương tiền	0.31	10.8	-97.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.0	9.99	40.3%
Phải thu ngắn hạn	12.4	4.95	151%
Hàng tồn kho	1.27	2.27	-44.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.06	0.03	130%
Tài sản dài hạn	**1.14**	**1.22**	**-6.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.08	1.18	-8.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.06**	**0.05**	**33.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2.88	2.32	24.2%
Nợ ngắn hạn	**2.88**	**2.32**	**24.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.31	0.48	175%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**26.4**	**26.9**	**-2.1%**
Vốn chủ sở hữu	**26.4**	**26.9**	**-2.1%**
Vốn điều lệ	60.0	60.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)